TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2023/HS-ST
Ngày: 31 - 3 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đỗ Thị Thu Hà

2. Bà Đỗ Thị Hải

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Quàng Văn Long - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ tham gia phiên toà***: Ông Nguyễn Văn Thuân - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 69/2023/TLST-HS ngày 02 tháng 3 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2023/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/HSST-QĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lò Văn M**
Tên gọi khác: Không
Sinh ngày: 25/11/1987 tại tỉnh Điện Biên.
Nơi cư trú: Bản N, xã P, huyện Điện Biên Đ, tỉnh Điện Biên. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Thợ xây dựng; Trình độ văn hóa: 09/12; Con ông: Lò Văn I và bà: Lò Thị Y; Bị cáo có vợ: Lò Thị Th và 03 con (con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2020); Tiền án: Không; Tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/10/2022, sau đó bị tạm giam cho đến ngày xét xử (Có mặt).

- *Bị hại:* Bà Nguyễn Thị L – sinh năm: 1941. Nơi cư trú: Số nhà X, Bản P, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Quàng Văn X – sinh năm 1993. Nơi cư trú: Bản N, xã P, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

2. Chị Lò Thị T – sinh năm 1971. Nơi cư trú: Bản N, xã P, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

3. Anh Bùi Thế Ph – sinh năm 1988. Nơi cư trú: Bản T, xã N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

4. Chị Lò Thị Th – sinh năm 1986. Nơi cư trú: Bản N, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (Có mặt)

- *Người làm chứng*: Ông Nguyễn Duy T – sinh năm 1969. Nơi cư trú: Bản P, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền trả nợ và tiêu sài Lò Văn M đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác. Mấng biết bà Nguyễn Thị L (địa chỉ nêu trên) đã cao tuổi, đi lại khó khăn làm nghề bán hàng thường đeo túi chứa tiền trên người. Chiều ngày 16/10/2022, M chuẩn bị một chiếc mũ trùm đầu chống nắng có vành, một chiếc quần dài màu xanh, một chiếc áo sơ mi dài tay màu nâu, 01 con dao nhọn lưỡi sắc dài 30cm, 01 khẩu trang màu trắng xanh, 01 găng tay vải để sử dụng khi đi chiếm đoạt tài sản của bà L. Khoảng 18 giờ 05 phút cùng ngày, M điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, BKS 27B1-272.xx của M đi qua ngã tư Khe Chít phường N dừng xe và mặc quần áo đã chuẩn bị, đeo khẩu trang và đội mũ chùm lên đầu, đeo găng tay nhằm tránh người khác nhận ra. M tiếp tục đi xe qua nhà bà L được khoảng 10m thì tắt máy, dựng xe ở mép bên phải đường hướng đi Tà Lèng, chìa khóa cắm sẵn ở ổ điện, đầu xe hướng về phía Tà Lèng, M dắt con dao dọc theo cánh tay phải, đi bộ vào trong cửa hàng thấy bà L đang ngồi quay mặt hướng vào trong nhà, lưng hướng ra đường, cách cổng nhà khoảng hơn 1m. M thấy trên người bà L đeo chiếc túi vải. Quan sát xung quanh không có ai liền tiến đến cách bên trái bà L khoảng 1,5m, giả vờ là người câm giơ tay lên để xin đồ ăn. Bà L hỏi: "Lấy cái gì nói thẳng đi". M giơ tay trái lên định bịt miệng bà L, tay phải giơ dao lên đe dọa để bà L không hô hoán. Do sợ hãi, bà L co người quay mặt đi. Lúc này M dùng tay trái cầm dây túi của bà L nhấc lên, tay phải cầm dao cắt đứt dây, tay trái kéo túi ra khỏi người bà L rồi quay người bỏ chạy làm rơi đôi dép ra khỏi chân. M chạy ra xe đề nổ máy bỏ chạy. Sau khi chiếm đoạt được tài sản, M cởi quần áo, mũ, gang tay, khẩu trang, tháo sim điện thoại của bà L vứt đi. Số tiền chiếm đoạt được M đưa cho chị Lò Thị T (địa chỉ trên) 5.000.000 đồng để trả nợ tiền M vay trước đó, đưa cho Quàng Văn X (địa chỉ trên) 6.700.000 đồng để X chuộc xe M cầm cố trước đó nhưng không nói cho X, T biết tiền do phạm tội mà có. Số tiền còn lại M chi tiêu cá nhân hết 350.000 đồng, cất giấu trên người 2.650.000 đồng, còn điện thoại thì giữ lại để dùng rồi về nhà X ngủ. Sáng ngày 17/10/2022, M vẫn để số tài sản còn lại trong túi vải của bà L rồi mang đến nhà em gái là Lò Thị M (sinh năm 1990, trú tại bản N, xã P, huyện Điện Biên Đ) nhặt mảnh nilon màu trắng ở ngoài vườn cuốn túi vải cùng con dao, đèn pin của M chôn trong vườn sát góc bên trái nhà chị M. Khoảng 14 giờ, ngày 17/10/2022, M bị tổ

Công tác Công an thành phố Điện Biên Phủ phát hiện, M đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình.

Quá trình giải quyết vụ án bị hại trình bày: Bà L đã nhận lại các tài sản, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường chiếc sim điện thoại và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Không biết số tiền bị cáo trả cho mình do phạm tội mà có, không yêu cầu giải quyết về dân sự trong vụ án.

Chị Lò Thị Th trình bày: Chiếc xe máy bị cáo sử dụng đi cướp tài sản là tài sản chung của vợ chồng, chị Th không biết việc M dùng xe đi cướp tài sản. Tại phiên tòa chị Th đề nghị xin lại chiếc xe vì gia đình khó khăn, chỉ có chiếc xe là phương tiện đi lại.

Tại Bản kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự đã kết luận: Tại thời điểm ngày 16/10/2022 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy J7 màu vàng đồng có trị giá 550.000 đồng, 01 sim điện thoại trị giá 25.000 đồng, 01 chiếc túi vải màu xanh trị giá 50.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 21/CT-VKSTPĐBP ngày 28/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đã truy tố bị cáo Lò Văn M về tội: Cướp tài sản, theo quy định tại điểm d, e khoản 2 Điều 168/BLHS.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Đề nghị HĐXX áp dụng: Điểm d, e khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38/BLHS xử phạt bị cáo từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù về tội Cướp tài sản. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: ½ giá trị chiếc xe máy biển kiểm soát: 27B1 – 272.zz. Trả lại cho chị Lò Thị Th ½ giá trị chiếc xe này. Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao nhọn một lưỡi sắc, dài 30 cm, 01 chiếc đèn pin loại dùng đội đầu, 01 mảnh nilon màu trắng, 01 chiếc túi đeo bằng vải màu xanh, 01 đôi dép nhựa màu vàng trắng (loại dép tổ ong, 01 chiếc mũ vải màu xanh, 01 chiếc quần dài bằng vải màu xanh, 01 chiếc áo sơ mi dài tay bằng vải màu nâu. Trả lại cho bị cáo: 01 Căn cước công dân.

Tại phiên tòa bị cáo, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận gì về phần luận tội và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo không bào chữa gì cho hành vi của mình.

Lời nói sau cùng: Bị cáo đề nghị HĐXX xem xét, giảm nhẹ hình phạt để bị cáo được sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng đã thu giữ được, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan... Do đó, có đủ cơ sở khẳng định: Ngày 16/10/2022, tại khu vực thuộc Bản P, phường N, thành phố Đ, Lò Văn M có hành vi dùng dùng vũ lực ngay tức khắc làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài tài sản của bà Nguyễn Thị L. Hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp tài sản". Bị cáo đã sử dụng dao nhọn, sắc là phương tiện nguy hiểm để cướp tài sản của bà L là người già yếu nên phải chịu tình tiết định khung theo quy định tại điểm d, e khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được nhà nước bảo vệ, gây mất trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý.

[2]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52/BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS. Ngoài ra, do bị cáo đã tác động đến gia đình bồi thường cho người bị hại số tiền bị cáo đã chiếm đoạt, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên có thể áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51/BLHS đối với bị cáo khi lượng hình.

Về nhân thân: Bị cáo là đối tượng sử dụng chất ma túy, chưa có tiền án, tiền sự.

Hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần thiết phải áp dụng mức hình phạt tù phù hợp, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có thời gian cai nghiện, được học tập rèn luyện để trở thành công dân tốt, có ý thức tuân thủ pháp luật.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 6 Điều 168/BLHS thì ngoài hình phạt chính người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là người nghiện ma túy, không có tài sản gì có giá trị. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo vì bị cáo không có khả năng thi hành.

[4]. Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng:

Vật chứng đã thu giữ trên người M và tại vườn nhà chị M số tài sản gồm: 15.212.000 đồng; Thẻ nạp điện thoại trị giá 2.710.000 đồng, 01 chiếc điện thoại Sam Sung J7 màu vàng đồng, 01 túi vải và 01 căn cước công dân mang tên Lò Văn M, 01 thẻ hội viên người cao tuổi mang tên Nguyễn Thị L, 01 giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy mang tên Nguyễn Mạnh H. Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà L các tài sản là: Tiền mặt, số thẻ nạp điện thoại, chiếc điện thoại, túi vải, thẻ hội viên và giấy chứng nhận. Việc trả lại tài sản cho chủ sở hữu là đúng nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với chiếc sim điện thoại không thu hồi được, bị hại tự nguyện không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xử lý.

Đối với các đồ vật, công cụ, phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội gồm: 01 đôi dép nhựa màu trắng loại dép tổ ong đã cũ, 01 dao nhọn một lưỡi sắc dài 30cm, 01 chiếc mũ vải màu xanh, 01 chiếc quần dài bằng vải màu xanh, 01 áo sơ mi dài tay vải màu nâu; 01 mảnh nilon màu trắng, 01 đèn pin loại dùng đội đầu – không còn giá trị sử dụng cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27B1-272.xx, quá trình điều tra xác định đây là tài sản chung của M và vợ chị Lò Thị Th, chị Th không biết việc bị cáo dùng xe đi phạm tội nên không có lỗi vì vậy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47/BLHS; điểm a khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 106/BLTTHS cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước ½ giá trị chiếc xe và trả lại cho chị Th ½ giá trị chiếc xe này. Không chấp nhận đề nghị trả lại chiếc xe của chị Th.

Đối với 01 căn cước công dân mang tên Lò Văn M: Đây là căn cước công dân của bị cáo, bị cáo tự nguyện để cho bà L giữ làm tin vì trước đó M có vay tiền của bà L. Không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106/BLTTHS.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại đã nhận lại các tài sản đã bị chiếm đoạt, tự nguyện không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Những người liên quan không yêu cầu giải quyết về dân sự nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6]. Các vấn đề khác:

Đối với anh Quàng Văn X, chị Lò Thị T, anh Bùi Thế P, chị Lò Thị Th nhận tiền từ bị cáo nhưng không biết đây là tiền do bị cáo phạm tội mà có nên không đề cập xử lý.

Đối với chị Lò Thị M: Không có mặt ở nhà, không biết việc bị cáo đã cất giấu tài sản bị cáo phạm tội mà tại nơi ở của mình có nên không có cơ sở xử lý và không triệu tập tham gia tố tụng trong vụ án.

[7]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Cơ quan điều tra Công an thành phố Điện Biên Phủ, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo, người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng

của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Cơ quan điều tra Công an thành phố Điện Biên Phủ, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đều hợp pháp.

[8]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d, e khoản 2 Điều 168, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106, Điều 331, 333, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lò Văn M phạm tội "Cướp tài sản".

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lò Văn M 08 (Tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ (17/10/2022).

2. Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng:

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: ½ giá trị chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA Wave RSX, màu sơn: Đỏ - đen, dung tích: 110cc, biển kiểm soát: 27B1 – 272.xx, số khung: RLHJA3103EY049xxx, số máy: JA31E-0167xxx, xe không có hộp xích, có 01 gương chiếu hậu thời trang bên trái, xe đã qua sử dụng. Trả lại cho chị Lò Thị Th ½ giá trị chiếc xe này.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (Một) con dao nhọn một lưỡi sắc, dài 30 cm, sơn màu đỏ, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 18,5 cm, bản rộng nhất của lưỡi dao là 03 cm, phần cán dao bằng nhựa màu đỏ, trên lưỡi dao có dòng chữ "ZYLISS", dao đã qua sử dụng;

+ 01 (Một) chiếc đèn pin loại dùng đội đầu màu đen – vàng, có dây đeo bằng vải màu đen, thân đèn bằng nhựa có nhãn hiệu "GOLDLION A4-30W", phần mặt kính của đèn đã bị nứt, vỡ, đèn đã qua sử dụng;

+ 01 (Một) mảnh nilon màu trắng;

+ 01 (Một) chiếc túi đeo bằng vải màu xanh rằn ri, phần quai đeo đã bị cắt đứt ở giữa, phần thân túi có kích thước dài, cao, dày khoản 22 cm x 15 cm x 10 cm gồm 03 (Ba) ngăn có khóa kéo, đã qua sử dụng;

+ 01 (Một) đôi dép nhựa màu vàng trắng (loại dép tổ ong), kích thước 10 x 27 (cm), trên dép dính nhiều tạp chất;

+ 01 (Một) chiếc mũ vải màu xanh, có vành trùm kín từ đầu xuống cổ, trên mũ có hoa văn màu trắng đỏ, mũ đã qua sử dụng;

+ 01 (Một) chiếc quần dài bằng vải màu xanh, quần dính nhiều chất bẩn màu trắng, đã qua sử dụng;

+ 01 (Một) chiếc áo sơ mi dài tay bằng vải màu nâu, áo sử dụng cúc dạng cúc bấm, đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo: 01 (Một) Căn cước công dân số 011087002xxx mang tên Lò Văn M do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội, Bộ Công an cấp ngày 27/4/2022.

(Vật chứng đã được Công an thành phố Điện Biên Phủ bàn giao sang Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, chi tiết theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/3/2023).

3. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (31/3/2023); Chị Lò Thị Th có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND TP ĐBP;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan điều tra Công an TP ĐBP
- Cơ quan THAHS TP ĐBP;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Nhà tạm giữ;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp tỉnh ĐB;
- Chi cục THADS TP ĐBP;
- HS THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ